#### DÈ 2 - THI NGOẠI LÀN 1

# Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

#### Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực độ

12.11						
1.	C.1. 1. 7.12	1		CITON	1111	CII
1.	SO Hall	uyen	vu.	CHÓN	CAU	SAL
			2			

mate, A Phái biết mật độ bình thường, rất đặc biệt của mô vú

 Thực hiện kĩ thuật Velpeau khi thăm khẩm: lòng bàn tay phẳng, ep nne vào tuyến vũ

d. Khám ở cả hai tư thế: ngồi và nằm Khả năng phát hiện ung thự vũ qua

A (FI

Khả năng phát hiện ung thư vù qua sở nắn là dưới 50% Đôi khi nên theo sự bượng dẫn của bệnh nhận để để tim

Đôi khi nên theo sự hướng dẫn của bệnh nhân để để tìm ra tồn thương ·

Phân độ võ tụy theo Moore có mấy độ

23) D.

3

- 44) B

d. 3

4Z)

ė. 🔆 2

35)A

3. Triệu chứng cơ năng thường gặp trong viêm ruột thừa
(a) Dau bụng

A

b. Chán ăn

6,

c. Buồn nôn

d. Tiêu lông

ė. Sối

 Bệnh nhân nam. 25 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chứng xuất huyết trong ổ bụng. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là

a. . Ruột

b. Tuy

c. Thận

d Lách

e. Gan

5. Mật vùng đực trước gan là triệu chứng của

a. Viêm tụy cấp

b. Viêm phúc mạc

Thúng đạ đây d. Hẹp môn vị

e. Tắc ruột

Triệu chứng lâm sàng của ung thư tế bào gan. CHỌN CÂU SAI

a. 60% có cảm giác tức nặng vùng dưới sườn phải

B. Bung báng sặp khoảng 20-50% lúc chấn doán

Vàng da sớm hay gặp do ti gây tắc nghẽn đường mật

d. Có thể sở thấy gan to

Cách chọn: chọn A→ B C D E
Bò A, chọn D→ B C D E

### ĐÈ 2 - THI NGOẠI LẦN 1

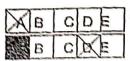
## 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

#### Chon một cầu phù hợp nhất, Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- e. Chân ân, một môi, sụt cân
- 7. 30% ung thư dụi trùng di căn đến các hạch. Đại tràng có các chặng hạch sau dùy, CHON CÂU SAI
  - un; Ilach doe dong mạch mạc treo ruột
  - b. Hạch ở thành đại tràng
  - c. Hạch cạnh đại tràng
  - d. Hach trung gian
  - e. Hach chinh
- 8. Yếu tổ thuận lợi của thoát vị bẹn-dùi. CHỌN CÂU SAI
  - a. Tiểu khó
- P (h) Hút thuốc là
  - c. Cổ trưởng kéo dài
  - d. Táo bón
  - e. Làm việc nặng
- (9) Có thể phân loại Việm phúc mạc theo các CẬP dữ kiện sau. CHỌN CÂU SAI
  - Nguyên phát -- thứ phát
  - h. Hòa học cơ học
  - c. Cấp tinh mạn tinh
  - d. Vi trùng thường vi trùng lao
  - c. Nhiễm trùng vô trùng
- 10. Bệnh nhân nam, 30 tuổi, bị tế xe máy. Vào viện được chấn đoán vỡ gan hạ phân thù<u>y II và III. Chân đoán độ vờ gan của bệnh nhân này theo Moore</u>
- Bath
  - 5
  - A
  - . 4
  - d. 6
  - e. 3

- · Kian. todobk
- 2 10-50 10 cmar
  - 752.
  - 73,5
- 11. Dấu hiệu vờ sản sọ gồm. NGOẠI TRÙ
  - a. Dấu hiệu bằm máu sau tai (dấu Battle)
  - Tụ máu màng nhĩ, rách ống tại ngoài
  - c. Dấu hiệu kính râm (mắt gấu trúc)
    - d. Chảy dịch não tùy ra tại mũi
    - c. Tụ máu nhàn cầu
- 12. Ung thư thực quản khởi phát từ tế bào lát tầng trên niêm mạc thực quản, có rất nhiều yếu tố nguy cơ. CHON CÂU SAL
  - a. Thực quản Barrett
  - b. Nghiện rượu, thuốc là

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chọn D→



# DÉ 2 - THI NGOẠI LÀN 1

### Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đỏ

Có tiền sử xạ trị vùng ngực

Bóng thực quản do hóa chất

Hội chứng Plummer-Vinson: thường có ở nam giới, tỉ lệ hóa ác 40%

Khi nghi ngờ bệnh nhân bị viêm ruột thừa, ta cần làm xét nghiệm gì để chẩn 13. đoán bệnh

Tổng phân tích nước tiểu

Công thức máu

X-quang ngực thẳng

Chụp điện toán cắt lớp ổ bụng

X-quang bung đứng

Chẩn đoán thoát vị ben đùi thường dựa vào

Siêu âm bụng

Chup cắt lớp vi tính

Chụp cản quang phúc mạc

Chụp cộng hưởng từ

Khám lâm sảng

Bệnh nhân nam, 28 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chứng 15. viêm phúc mạc. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là

Ruột non

Da dày

Tá tràng C.

Gan d.

Dai trang e.

16. Rối loạn sinh lí bệnh trong tắc ruột phụ thuộc vào các yếu tổ sau đây. Điều nào KHÔNG đúng

Bệnh nhân có bệnh mạn tính xấu hơn người không bệnh mạn tính a.

Tắc ruột non xấu hơn tắc ruột già

Bệnh nhân lớn tuổi xấu hơn trẻ tuổi

Bệnh nhân đến bệnh viện muộn xấu hơn đến sớm d.

Tác ruột do thất nặng hơn do nghĩn e.

Lồng ruột ở người lớn thường có những đặc điểm sau đây. CHỌN CÂU SAI 17.

Thường lồng ruột diễn tiến theo kiểu mạn tính

a. Có thể không phân biệt được với tắc ruột đo u đại tràng Ь.

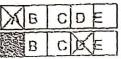
Thường có nguyên nhân cụ thể C.

Lồng đại tràng chiếm 1/3 trường hợp d.

Là nguyên nhân thường gặp của tắc ruột e.

Dây thần kính giữa chi phối cảm giác. CHỌN CÂU SAI 18.

Cách chọn: chọn A→ Bỏ A, chọn D.→

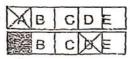


# ĐỂ 2 - THỊ NGOẠI LÂN I Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

# Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đỏ

- Nửa ngoài gan tay -
- Nira trong gan tay 6.
- Mặt gan các ngón cái, chỏ và giữa C.
- Mặt mu đốt hai, ba ngón chỏ, giữa và nửa ngoài ngón nhẫn Mặt gan nữa ngoài ngón nhẫn.
- Các dấu hiệu trong thăm khám bệnh nhân viêm ruột thừa. CHON CÂU SAI 19.
  - Đề kháng thành bụng: ấn nông ở hố chậu phải, thấy cơ bụng mềm, ấn a. sâu hơn, thấy cơ bụng co lại và bệnh nhân đau
  - Dấu cơ thặt lưng chậu: bệnh nhân nằm ngửa, đùi phải có, ta dùng tay ấn Ь. duỗi đùi rạ thì bệnh nhân đau hơn
  - Dấu cơ bịt: bệnh nhân ở tư thế nằm đùi gấp, gối gấp, xoay đùi ra ngoài, bệnh nhân thấy đau hơn ở vùng dưới rốn
  - Dấu Rovsing: ấn sâu hố chậu trái, bệnh nhân thấy đau ở hố chậu phải
  - Phản ứng đội: ấn nhẹ và sâu vào vùng hố chậu phải, bệnh nhân đau nhẹ, thả tay đột ngột bệnh nhân đau nhiều hơn
- 20. Khám chấn thương sọ não
  - Lưu ý đến khám mạch, huyết áp
  - Ь. Chi khám thần kinh
  - Rất quan tâm đến tình trạng hô hấp
  - Đặc biệt lưu ý đến khám cột sống và bụng d.
  - Phải khám toàn diện e.
  - Trong giấn tĩnh mạch nguyên phát có hiện tượng
    - a. Hay bị ở tĩnh mạch cánh tay đầu
    - Có hiện tượng viêm đi kèm ·
    - C. Chỉ có tĩnh mạch nông bị giãn, còn tĩnh mạch sâu bình thường
    - Các tĩnh mạch giãn thấy rõ khi bệnh nhân nằm . d.
    - Suy van tĩnh mạch toàn bộ chi dưới C.
- Biến chứng của sởi đường mật. NGOẠI TRỪ 22.
  - Viêm túi mật cấp a.
  - Suy thận cấp hội chứng gan-thận b.
  - Viêm mủ đường mật
  - d. Viêm gan cấp
  - Nhiễm trùng huyết sốc nhiễm trùng e.
  - Khi khám hệ thống động mạch, ngoài việc xác định tổn thương còn phải
  - Việc điều trị không cần phải dựa vào nguyên nhân
  - Ь. Việc xác định nguyên nhân phải dựa vào các xét nghiệm cận lâm sàng phức tạp và đất tiền

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chon D→



# ĐÈ⁄2 - THI NGOẠI LẬN 1

Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT) Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đó

- Ở người lớn tuổi trên 50, nguyên nhân thường gặp nhất là tắc động mạch do xơ vữa. Ở người dưới 40, nên nghĩ đến bệnh Buerger
- Xác dịnh nguyên nhân của tổn thương d.
- Cần sinh thiết động mạch để xác định chân doán
- 24. Sỏi đường mật ở Việt Nam là sỏi sắc tố, sỏi có thể nằm ở ống mật chủ hoặc ở ống gan. Yếu tố thuận lợi là. CHỌN CÂU SAI
  - Tuổi thường gặp từ 40 60
  - Đời sống kinh tế thấp
  - , = Vệ sinh kém

- Đã có tiền sử mố sói đường mật
- Nam giới gặp nhiều gấp đôi so với nữ giới
- Triệu chứng X-quang của tắc ruột non. CHỌN CÂU SAI
  - a:- Nếp niêm mạc thường nằm sát nhau
    - Có chân rông
- Mực nước hơi chênh nhau trên cùng một quai ruột
  - Nếp niêm mạc chiếm một phần của lòng ruôt
  - Mực nước hơi nằm giữa bung
- Ung thư đại tràng là bệnh thường gặp tại Việt Nam, yếu tố nguy cơ gây ra bệnh 26. này là. CHON CÂU SAI
  - Polyp có dường kính trên 1cm dễ bị ung thư
    - Da polyp dễ bị ung thư
    - Bệnh viêm loét đại trực tràng xuất huyết
    - Ăn nhiều mỡ, ít chất sợi từ thực vật
    - Polyp tuyển nhánh tỉ lệ hóa ác cao hơn tuyển ống



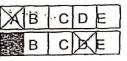
#### Diểm túi mật là

- Giao diểm của bờ ngoài cơ thẳng bụng và đường liên bờ dưới xương a. sườn
- Diễm giữa của bờ dưới mạng sườn phải b.

Điểm giữa của đường nổi rốn với điểm thấp nhất của bờ sươn phải C.

- Giao diễm của bờ dưới xương sườn phải và bờ ngoài cơ thẳng hụng phải d.
- Diểm giữa của đường mũi ức và rốn c.
- Chần đoán xác định ung thư thực quản dựa vào cận lâm sàng nào là tốt nhất 28.
  - Nội soi thực quản
  - Chup thực quản cản quang
  - X-quang ngực thẳng c.
  - Chup cắt lớp vi tính d.
  - Công hưởng từ C.

Cách chon: chọn A→ Bò A, chọn D→



### ĐỂ 2 - THI NGOẠI LẪN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chọn một cấu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

29. Ung thứ gan nguyên phát phần lớn bắt nguồn từ tế bào gan (phần còn lại từ tế bào ống mật), có rất nhiều yếu tố nguy cơ. CHỌN CÂU SAI

X

Kháng thể chống việm gan C chiếm tỉ lệ thấp hơn 50% trong ung thư

- b. Kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HbsAg) chiếm tỉ lệ cao trong ung thư gan 81%
- c. Aflatoxin Bl có thể gây ung thư gắn.
- d. Nói chung, hơn 60% ung thư gan trên nền xơ gan
- c. Dioxin có thể gây ung thư gan
- 30. Sinh lý bệnh của hẹp môn vị. CHỌN CÂU SAI

A

. Toan-chúyển hóa

- b. Suy thận trước thận
- c. Rội loạn dinh dưỡng
- d. Mất diện giải
- e. Mất nước
- 31. Thủ thuật thăm âm đạo hoặc thăm trực tràng cần thiết trong các bệnh cảnh nào sau đây. CHON CÂU SAI
  - a. Bí tiêu
  - b. l'iêu ra máu
  - ) c.
- c. Bónd. Việm ruột thừa cấp thể thường gặp
  - c. Viêm phúc mạc chậu do viêm phần phụ
- 32. Xét nghiệm để chấn đoán xác định thủng ổ loét đạ dày thường được sử dụng là
  - a. Công thức máu
  - Ps 1.

Chụp bụng đứng không sửa soạn

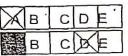
- c. Dinh lượng Urc và Creatinine
- d. Chụp ngực thẳng
- e. Chụp cắt lớp vì tính
- 33. Trong thùng ổ loét đạ dày tá tràng, tí lệ thấy hơi tự đo trên X-quang bụng dứng là
  - a. 50 60%
  - b. 60 70%

C.

c. 80 - 90%

- d. 70 80%
- c. 90-100%
- 34. Ung thư tụy thường xuất phát từ tế bào ống tuyến tụy, có nhiều yếu tố nguy cơ gây ung thư tụy. CHỌN CÂU SAI

Cách chọn: chọn A→ Bỏ A, chọn D→



#### ĐÈ 2 - THINGOẠI LÂN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

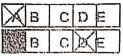
Chan with a rive	, - , - , - , - , - , - , - , - , - , -	~ 01	101 TE 11 TE	1-0 11	
Chon một câu phù hợp nhất.	Transaction I for			1	
THE OLDER DITTOR FILLD THEELE.	Anong aung but	chi	half man	2	71
	The state of the s	Lat Sha	I I I I I X I I I I I	11 2777	.7.0

- Thường gặp ở bệnh nhân trên 60 tuổi
- Thường gặp ở nữ nhiều hơn nam
- c. Người da đen dễ bị hơn người da trắng
- d. Người hút thuốc lá dễ bị hơn người không hút
- 6. Bệnh nhân tiêu đường dễ bị hơn người không tiểu đường 2 lần

Phương pháp sinh thiết nào sau đây thường dùng cho hạch cổ

- a. Sinh thiết qua ngả nội soi
- b. Sinh thiết một phần
- Sinh thiết bằng kìm bấm
- d. Sinh thiết trọn
- e. Sinh thiết bằng kim khoan.
- 36. Chân đoán Viêm phúc mạc dựa vào triệu chứng nào sau đây là quan trọng nhất
  - a. Sốt cao
  - b. Phản ứng thành bụng
  - c. Đau bụng
  - d. Bạch cầu tăng rất cao
  - e. Bí trung và đại tiện
- 37. Các xét nghiệm thường làm trong viêm túi mất do sởi. CHỌN CÂU SAI
  - a. Siêu âm bụng
  - b. Bilirubin, men gan
  - C. Chụp cắt lớp vi tính
    - d. Công thức máu
    - e. Amylase
- 38. Triệu chứng viêm túi mật, chon câu sai
  - a. Buồn nôn
  - b. Đau bụng vùng dưới sườn phải
- c. Nôn làm giảm đau
  - d. Sốt
  - e. Túi mật to và ấn đau
- 39. Cận lâm sàng nào có giá trị nhất trong chấn đoán ung thư tụy
  - a. Chụp đường mật
  - b. Chụp động mạch
  - c. CA 19-9
  - d. Chụp cắt lớp vi tính
    - e. Siêu âm
- 40. Xếp giai đoạn của ung thư dạ dày theo TNM. CHỌN CÂU SAI
  - a. Giai đoạn 1: ung thư còn khu trú ở thành đạ dày

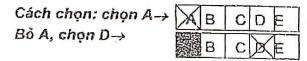
Cách chọn: chọn A→ Bỏ A, chọn D->



### ĐÈ 2 - THI NGOẠI LÂN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT) Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đỏ Giai đoạn 2: ung thư đã xâm lấn các tạng lân cận Giai đoạn 4: đã di căn xa

b. Giai đoạn 3: ung thư đã ra khỏi dạ dày, lan tới các hạch chặng N2 c. d, Giai đoạn 0: ung thư khu trú ở lớp biểu mô của niêm mạc dạ dày e. 41. Cận lâm sàng tốt nhất để chẩn đoán xác định ung thư da dày là X-quang da dày can quang Nội soi đạ dày b. CEA d. Chụp cắt lớp vi tính Siêu âm bụng c. Máu tụ ngoài màng cứng a. Nguồn chảy máu thường từ: động mạch màng não và tĩnh mạch dưới da Hiếm gặp ở tuổi nhũ nhi Bệnh nhân thường hôn mê ngay sau chấn thương Ít khi bệnh nhân có dấu hiệu nhức đầu X - quang sọ hiếm khi thấy nút hộp sọ 43. Triệu chứng của hẹp môn vị. CHON CÂU SAI Nôn ra thức ăn chưa được tiêu hóa kèm cảm giác đẳng Bụng có hình lõm lòng thuyền Dấu hiệu Bouveret d. Cám giác đầy bụng âm ach Dau bung Kỹ thuật khám hạch nách Sờ bằng các ngón tay cong rà sát vách trong của hố nách b. Kỹ thuật sở nắn giống sở nắn tuyến vú Người thầy thuốc ngồi phía sau bệnh nhân sở hạch nách dễ hơn C. Nhìn xem có hạch nách gây biến dạng hổ nách hay không là đủ d. Bệnh nhân cần gồng cơ ở vùng vai để hạch nách lộ rõ ra e. Nghe trên thành bung để chẩn đoán Thung da dày Tác ruôt Viêm phúc mạc d. Thoát vị ben nghet Viêm tuy cấp

Theo thể kinh điển, viêm túi mật cấp do sởi diễn tiến theo mấy giai đoạn 46. 5 a.



# DÈ 2/- THI NGOẠI LẦN 1

Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT) Chon một cấu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đó

b. 3
d. 6
e. 2

47. Nguy cơ thúng ruột tăng trong tháo lồng khi. CHỌN CÂU SAI

Triệu chứng tắc ruột rõ trên X quang bụng đứng

b. Trẻ < 6 tháng tuổi</li>

e. Trè > 3 tuổi

d. ,- Có dấu hiệu hoại từ ruột

Triệu chứng kéo dài > 72 giờ

(48.) X-quang vú

a. ... Là xét nghiệm chính xác nhất trong chấn đoán ung thư vú

Không có vai trò phụ giúp chần đoán các u vú có kích thước nhỏ

Hướng dẫn hữu ích cho sinh thiết

d. Không có hình ánh giả trên phim

Xêrô nhũ ký cho ít chỉ tiết hơn X quang

49. Các thành ông ben gồm có. CHON CÂU SAI

Thành dưới là dây chẳng ben và dài chậu mu

Thành sau là mạc ngang và một ít cân cơ ngang bụng

Thành trước là phần dưới cơ chéo ngoài

7 d. Thành trên là bờ dưới cơ chéo trong và cân cơ ngang bụng

c. Thành trong là bờ ngoài của cơ thăng bụng

50. Vai trò của X-quang đại tràng bằng thụt tháo barýt hoặc bơm hơi. CHỌN CÂU SAI

a. Có khả năng chẳn dóan nguyên nhân của lồng ruột

b. Chân đoán xác định lồng ruột

Giúp phân biệt lồng ruột với những nguyên nhân tắc ruột khác

d. Chân đoán được khả năng tổn thương máu nuôi đoạn ruột bị lồng hay chưa

e. Giúp tháo lồng mà khôn cần mỗ

51. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thủng ổ loét đạ đày. CHỌN CÂU SAÍ

a. Nhiễm Helicobacter pylori

b. O loét da dày không được điều trị tốt

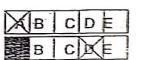
c. Thuốc giảm đau họ paracetamol -

d. Thuốc kháng viêm Aspirin

e. Rươu và thuốc lá

Các nguyên nhân gây viêm ruột thừa bao gồm. CHỌN CÂU SAI

Cách chọn: chọn A→ Bỏ A, chọn D→

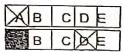


# ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẦN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

15 (111 2012-2015)	11 1/2 / 1 2000	
Chon một câu phù hợp nhất. Không c	dùng bút chì, bút xòa va mực do	
a. Phì đại các nang bạch l	ıuyết	
b. U thành ruột thừa		3
C. Vật lạ như hạt chanh		
y d. Viêm manh tràng		
c. Ú dọng sói phân		
(33) Có mấy diễm niệu quản		
3		
b. 1		
c. <sub>25</sub> 5		
$\int_{0}^{\infty} d \cdot d \cdot \frac{2}{3}$		
c. 4		
(54.) Sinh thiết-một phần hằng kim	tá de la companya de	::•)
Amidan	bấm thường áp dụng cho thương tổn	Ò
b. Tuyến mang tại		(A)
7 c. Hạch cô	and the second second	
o d. Tuyển giáp		
c. Xương hàm dưới		
55. Liệt thần kinh mác chung. CH	ON CÂU CAI	
a. Bán chân "rú" -	ON CAU SAI	
Teo co gan chản		
c. Teo co khoang trước ngo	oái căne chân	
d. Mất cảm giác mặt trước	ngoài cầng chân	
c. Bước đi kiểu "chân ngựa	"	
	túi mật, Tam giác Small có ba thành	· la
An. Lecithin, muối mật và ch	olesterol	phân là
	nolesterol	₫.
c. Lecithin, bilirubin và mu	ối mật	n o
	lesterol and make much confiden	а Б. 🤅
c. Cholesterol, lecithin và d		
57. Cận lâm sàng để chân đoán xác		
a. Chụp đại tràng với barýt	dim dig bid dai tialig la	
b. Siêu âm bụng	factor of plants of the second	
c. Nội soi dại tràng	na Maria de la Maria de Q	. #
d. Chụp dại tràng đối quang		
e. Chụp cắt lớp vi tính	pital trader and the wild	•
58. Triệu chứng lâm sàng làm ta ngh	ĩ đến ung thư đại tràng là	

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chọn D→

a. Tảo bón



#### ĐỀ 2 - THỂNGOẠI LÀN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

#### Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đó

- b. Dau bung
- c. Tiêu chảy
- d. Chán ăn
- (ē.) Tiêu ra máu
- 59. Bệnh nhân nam, 30 tuổi, vào viện vì đau bụng đười sườn phải 3 ngày, sốt 39°C. Khám: Mạch 90lần/phút, Huyết áp 120/70mmHg, Vàng mắt. Ấn đau dưới sườn phải vừa, không để kháng, thượng vị và dưới sườn trái đau ít. Cần cho bệnh nhân này làm các xét nghiệm nào. Ngoại trừ
  - a. Công thức máu
  - b. Bilirubin, men gan
  - c. Siêu âm bụng
  - d. Amylase
- e. X-quang bung
- 60. Dairbung trong Viêm phúc mạc là
  - a. Đau liên tục, lăn lộn và giảm theo từng lúc
  - n b. Đau liên tục, tăng lên khi ho và vận động .
    - c. Hết đau khi người bệnh nằm yên và ôm chặt bụng
      - d. Đau kèm theo nôn ói nhiều
      - e. Đau dữ đội, lãn lộn và giảm khi bệnh nhân nằm tư thế gối-ngực